

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Dự thảo ngày 26/9/2016

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp theo hình thức riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

2. Nghị định này không điều chỉnh việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 3. Áp dụng quy định pháp luật liên quan

1. Doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực đặc thù ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trái phiếu doanh nghiệp là loại chứng khoán có kỳ hạn từ một năm (01 năm) trở lên do doanh nghiệp phát hành, xác nhận nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, và các nghĩa vụ khác (nếu có) của doanh nghiệp đối với nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.

2. Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định trong phương án phát hành trái phiếu.

3. Trái phiếu có bảo đảm là loại trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần gốc, lãi khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính, tín dụng có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh thanh toán.

4. Chứng quyền là loại chứng khoán được phát hành cùng với việc phát hành trái phiếu, cho phép nhà đầu tư sở hữu trái phiếu được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông nhất định theo điều kiện, điều khoản đã được xác định trước trong thời kỳ nhất định.

5. Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành do doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm công bố sau khi phân tích, nhận định và xếp hạng về khả năng thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp phát hành.

6. Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với một trái phiếu do doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm công bố sau khi phân tích, nhận định và xếp hạng về khả năng thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ nợ của chủ thể phát hành đối với trái phiếu đó tại thời điểm xếp hạng.

7. Đăng ký trái phiếu là việc ghi nhận quyền sở hữu và các quyền khác của người sở hữu trái phiếu.

8. Lưu ký trái phiếu là việc nhận ký gửi, bảo quản, chuyển giao trái phiếu cho khách hàng, giúp khách hàng thực hiện các quyền liên quan đến sở hữu trái phiếu.

9. Giấy phép hoạt động của doanh nghiệp là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

10. Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

11. Công ty kiểm toán theo quy định tại Nghị định này là công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định.

12. Hoán đổi trái phiếu là việc cùng mua, cùng bán hai (02) mã trái phiếu khác nhau của cùng một doanh nghiệp phát hành tại cùng một thời điểm để cơ cấu lại danh mục nợ của doanh nghiệp.

13. Mua lại trái phiếu trước hạn là việc doanh nghiệp phát hành mua lại trái phiếu đã phát hành trước ngày đáo hạn để cơ cấu lại nợ

14. Ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu là ngày kết thúc việc thu tiền mua trái phiếu từ các nhà đầu tư.

Điều 5. Nguyên tắc phát hành trái phiếu doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.

2. Việc phát hành trái phiếu phải đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Mục đích phát hành trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, để tăng quy mô vốn hoạt động hoặc để cơ cấu lại các khoản nợ.

2. Doanh nghiệp quyết định mục đích phát hành trái phiếu và phải nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu để công bố thông tin đầy đủ cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Nghị định này.

3. Doanh nghiệp sử dụng vốn huy động được từ phát hành trái phiếu đảm bảo đúng mục đích phát hành quy định tại phương án phát hành và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư.

Điều 7. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu

1. Kỳ hạn trái phiếu

Trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ một (01) năm trở lên. Doanh nghiệp phát hành quyết định kỳ hạn trái phiếu trên cơ sở nhu cầu sử dụng vốn và công bố tại phương án phát hành.

2. Mệnh giá trái phiếu là một trăm nghìn (100.000) đồng Việt Nam hoặc bội số của một trăm nghìn (100.000) đồng Việt Nam.

3. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu là đồng Việt Nam.

4. Loại hình trái phiếu

a) Trái phiếu không chuyển đổi bao gồm trái phiếu có bảo đảm hoặc trái phiếu không có bảo đảm, trái phiếu kèm theo chứng quyền hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền;

b) Trái phiếu chuyển đổi bao gồm trái phiếu có bảo đảm hoặc trái phiếu không có bảo đảm, trái phiếu kèm theo chứng quyền hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền.

5. Hình thức trái phiếu

a) Trái phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

b) Doanh nghiệp phát hành quyết định cụ thể hình thức trái phiếu đối với mỗi đợt phát hành.

6. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu

a) Lãi suất danh nghĩa trái phiếu có thể xác định theo một trong các phương thức sau:

- Cố định cho cả kỳ hạn trái phiếu;
- Thả nổi theo lãi suất thị trường;
- Kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi.

b) Trường hợp lãi suất danh nghĩa của trái phiếu là lãi suất thả nổi, doanh nghiệp phát hành phải quy định cụ thể về cơ sở tham chiếu được sử dụng để xác định lãi suất danh nghĩa tại phương án phát hành và công bố công khai cho nhà đầu tư mua trái phiếu về cơ sở tham chiếu được sử dụng.

c) Doanh nghiệp phát hành quyết định lãi suất danh nghĩa cho từng đợt phát hành trái phiếu phù hợp với tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp. Riêng đối với các tổ chức tín dụng, việc xác định lãi suất danh nghĩa của trái phiếu ngoài việc tuân thủ quy định tại Nghị định này còn phải tuân thủ quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn.

7. Mua lại trái phiếu trước hạn và hoán đổi trái phiếu

a) Doanh nghiệp phát hành được phép mua lại trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu để cơ cấu lại khoản nợ. Đối với việc mua lại trái phiếu trước hạn, chỉ được thực hiện khi trái phiếu đã lưu hành tối thiểu là một (01) năm kể từ ngày trái phiếu được phát hành.

b) Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu là tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án mua lại trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu.

c) Việc mua lại, hoán đổi trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 8. Đối tượng mua trái phiếu

1. Đối tượng mua trái phiếu là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Nhà đầu tư mua trái phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Điều 9. Quyền lợi của chủ sở hữu trái phiếu

1. Được doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và bảo đảm việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo các điều kiện, điều khoản của trái phiếu khi phát hành.

2. Được dùng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và sử dụng trái phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II

PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Điều 10. Điều kiện phát hành trái phiếu

1. Đối với trái phiếu không chuyển đổi hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền:

a) Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

b) Có thời gian hoạt động tối thiểu từ một (01) năm kể từ ngày được cấp lần đầu Giấy phép kinh doanh. Đối với doanh nghiệp được tổ chức lại hoặc chuyển đổi, thời gian hoạt động được tính là thời gian hoạt động của doanh nghiệp bị chia (trong trường hợp chia doanh nghiệp), thời gian hoạt động của doanh nghiệp bị tách (trong trường hợp tách doanh nghiệp), thời gian hoạt động dài nhất trong số các doanh nghiệp bị hợp nhất (trong trường hợp hợp nhất doanh nghiệp), thời gian hoạt động của doanh nghiệp bị sáp nhập (trong trường hợp sáp nhập công ty), thời gian hoạt động của doanh nghiệp trước và sau khi chuyển đổi (trong trường hợp chuyển đổi công ty).

c) Có phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

d) Thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu của các đợt phát hành trước, không có các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước năm phát hành trái phiếu.

đ) Đáp ứng các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động quy định tại pháp luật chứng khoán đối với doanh nghiệp phát hành là công ty chứng khoán. Đáp ứng các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động quy định tại pháp luật ngân hàng đối với doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng.

2. Đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền:

a) Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần

b) Đáp ứng các điều kiện phát hành quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng ngoài việc đáp ứng điều kiện phát hành theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này còn phải đáp ứng điều kiện phát hành theo quy định tại Điều 10a của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 11. Điều kiện phát hành trái phiếu cho nhiều đợt phát hành

1. Doanh nghiệp thực hiện phát hành trái phiếu cho nhiều đợt phát hành phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Các điều kiện phát hành quy định tại Điều 10 Nghị định này.

b) Có nhu cầu huy động vốn làm nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Có phương án phát hành trái phiếu trong đó nêu rõ số lượng đợt phát hành; dự kiến khối lượng, thời điểm phát hành và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt phát hành. Đảm bảo thời gian phát hành của từng đợt không được kéo dài quá 90 ngày theo quy định của pháp luật chứng khoán.

d) Thực hiện công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Nghị định này.

2. Tổ chức tín dụng phát hành trái phiếu cho nhiều đợt phát hành phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 12. Quy trình phát hành trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành chuẩn bị hồ sơ phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp phát hành công bố thông tin về hồ sơ phát hành trái phiếu trước đợt phát hành cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu đồng thời gửi đến Sở Giao dịch Chứng khoán tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức phát hành trái phiếu.

3. Doanh nghiệp phát hành tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

4. Doanh nghiệp phát hành thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

5. Doanh nghiệp phát hành thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

6. Doanh nghiệp phát hành báo cáo kết quả phát hành và báo cáo định kỳ sáu tháng, hàng năm kể từ khi hoàn thành đợt phát hành trái phiếu cho đến khi đáo hạn trái phiếu theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định này.

Điều 13. Hồ sơ phát hành trái phiếu

1. Hồ sơ phát hành trái phiếu do doanh nghiệp phát hành chuẩn bị để công bố cho các đối tượng mua trái phiếu, bao gồm:

a) Phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 14 Nghị định này;

b) Các tài liệu và văn bản pháp lý chứng minh doanh nghiệp đáp ứng điều kiện phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này;

c) Bản công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt phát hành trái phiếu.

đ)

PA1: Báo cáo tài chính được kiểm toán do công ty kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 11 Điều 4 Nghị định này nêu ý kiến chấp nhận toàn phần của năm liền kề trước năm phát hành.

PA2: Báo cáo tài chính do công ty kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 11 Điều 4 Nghị định này thực hiện kiểm toán. Trường hợp báo cáo tài chính được kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, doanh nghiệp phát hành phải có tài liệu giải thích rõ về nội dung loại trừ, lý do loại trừ và việc ảnh hưởng của các yếu tố ngoại trừ đến kết quả tài chính của doanh nghiệp

- Đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con, báo cáo tài chính bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm liền kề trước năm phát hành và báo cáo tài chính được kiểm toán của công ty mẹ năm liền kề trước năm phát hành.

- Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu trước ngày 01 tháng 4 hàng năm chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc chưa có báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán, doanh nghiệp sử dụng báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước năm liền kề, báo cáo tài chính của Quý gần nhất và báo cáo tài chính của năm liền kề được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phê duyệt theo Điều lệ của công ty. Chậm nhất là 20 ngày kể từ

ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.

e) Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu và loại trái phiếu phát hành (nếu có).

2. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu cho nhiều đợt phát hành, ngoài hồ sơ phát hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định này, đối với từng đợt phát hành từ lần thứ hai trở đi, chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước đợt phát hành, doanh nghiệp phát hành phải bổ sung tài liệu về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành, tình hình sử dụng số tiền thu được từ các đợt phát hành trước đó, tình hình thanh toán lãi trái phiếu (nếu có) vào hồ sơ phát hành trái phiếu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu làm nhiều đợt tại các năm tài chính khác nhau, trước mỗi đợt phát hành, doanh nghiệp phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính được kiểm toán của năm phát hành trước (nếu có).

Điều 14. Phương án phát hành trái phiếu và thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu xây dựng phương án phát hành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 Điều này và làm căn cứ để tổ chức phát hành, công bố thông tin. Phương án phát hành trái phiếu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Thông tin về doanh nghiệp phát hành (tên doanh nghiệp, trụ sở, giấy phép hoạt động; lĩnh vực kinh doanh theo giấy phép hoạt động);

b) Mục đích phát hành trái phiếu;

c) Việc đáp ứng từng điều kiện phát hành trái phiếu quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định này;

d) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến phát hành; địa điểm tổ chức đợt phát hành; số lượng đợt trái phiếu phát hành và dự kiến thời điểm phát hành của từng đợt phát hành;

đ) Điều kiện, điều khoản về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đối với trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi;

e) Điều kiện, điều khoản về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu đối với trường hợp phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền;

g) Điều kiện, điều khoản về việc mua lại trái phiếu trước hạn (nếu có);

h) Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong ba (03) năm liền kề trước năm phát hành (nếu có) và thay đổi sau khi phát hành, bao gồm:

- Vốn chủ sở hữu;

- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu;

- Lợi nhuận sau thuế;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE).
- i) Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính;
- k) Phương thức phát hành trái phiếu;
- l) Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu;
- m) Kế hoạch bố trí nguồn và phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu;
- n) Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu;
- o) Cam kết công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành;
- p) Các cam kết khác đối với nhà đầu tư sở hữu trái phiếu (nếu có);
- q) Điều khoản về đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch trái phiếu (nếu có);
- r) Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu;
- s) Quyền lợi, trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành;
- t) Trách nhiệm và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến việc phát hành trái phiếu.

2. Thẩm quyền phê duyệt chấp thuận phương án phát hành trái phiếu:

- a) Đối với trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm theo chứng quyền, cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu thực hiện theo Điều lệ tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp.
- b) Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền, phương án phát hành trái phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- c) Đối với doanh nghiệp nhà nước, thẩm quyền phê duyệt chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này và tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn của doanh nghiệp nhà nước.

3. Đối với doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm theo chứng quyền:

- a) Sau khi phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp phát hành gửi phương án phát hành trái phiếu để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét, có ý kiến.
- b) Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được phương án phát hành theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có ý kiến bằng văn bản gửi doanh nghiệp phát hành. Doanh nghiệp chỉ được tổ chức phát hành trái phiếu sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 15. Phương thức phát hành trái phiếu

1. Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành theo các phương thức sau:

- a) Đấu thầu phát hành trái phiếu;
- b) Bảo lãnh phát hành trái phiếu;
- c) Đại lý phát hành trái phiếu;
- d) Bán trực tiếp cho nhà đầu tư trái phiếu đối với doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng.

2. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu quyết định phương thức phát hành và công bố cho đối tượng mua trái phiếu.

3. Đối tượng tham gia tổ chức đấu thầu, bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp gồm các công ty chứng khoán, tổ chức tín dụng và các định chế tài chính khác được phép cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện đăng ký trái phiếu tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam hoặc tại một tổ chức là thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

a) Việc đăng ký trái phiếu tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

b) Trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký trái phiếu tại thành viên lưu ký, thành viên lưu ký có trách nhiệm quản lý, cập nhật danh sách nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và cung cấp thông tin theo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm cho Sở Giao dịch Chứng khoán để công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu theo quy định tại Nghị định này.

2. Việc lưu ký trái phiếu do chủ sở hữu trái phiếu quyết định và thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

3. Doanh nghiệp phát hành quyết định việc niêm yết, giao dịch trái phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán. Việc niêm yết, giao dịch trái phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 17. Thanh toán gốc, lãi trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành bố trí nguồn trả nợ gốc, lãi trái phiếu từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho nhà đầu tư theo phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản, khi doanh nghiệp phát hành không cân đối được nguồn trả nợ gốc, lãi trái phiếu thì tài sản bảo đảm sẽ được xử lý để thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đối với trái phiếu được bảo lãnh thanh toán, khi doanh nghiệp phát hành không cân đối được nguồn trả nợ gốc và lãi trái phiếu thì tổ chức bảo lãnh thanh toán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho doanh nghiệp phát hành theo cam kết bảo lãnh giữa tổ chức bảo lãnh thanh toán và doanh nghiệp phát hành.

Chương III

PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Điều 18. Điều kiện phát hành trái phiếu

1. Đối với trái phiếu không chuyển đổi hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền

a) Doanh nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy định tại thị trường phát hành;

b) Phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận.

c) Có văn bản xác nhận của Ngân hàng Nhà nước về việc khối lượng trái phiếu phát hành nằm trong hạn mức vay thương mại nước ngoài hàng năm của quốc gia;

d) Đáp ứng quy định về quản lý ngoại hối;

đ) Doanh nghiệp phát hành là công ty chứng khoán, tổ chức tín dụng phải đáp ứng các hệ số an toàn hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Đối với trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền, doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần đáp ứng được các điều kiện phát hành quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 19. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế

1. Đối với trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm theo chứng quyền, cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo Điều lệ tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp.

2. Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, phương án phát hành trái phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3. Đối với doanh nghiệp nhà nước, thẩm quyền phê duyệt chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này và tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn của doanh nghiệp nhà nước.

Điều 20. Tổ chức phát hành trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế thực hiện công bố thông tin trước phát hành và công bố thông tin kết quả phát hành theo quy định tại Nghị định này.

2. Quy trình, thủ tục phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành.

Chương IV **CƠ CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

Điều 21. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi về nội dung thông tin đã công bố, phải thực hiện công bố về nội dung thay đổi và nêu rõ lý do.

2. Việc công bố thông tin trước khi phát hành trái phiếu không được chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào và không thông qua các phương tiện công bố thông tin đại chúng, trừ trường hợp công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.

3. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Việc công bố thông tin về phát hành trái phiếu doanh nghiệp được thực hiện thông qua Sở Giao dịch chứng khoán.

Điều 22. Công bố thông tin trước đợt phát hành

1. Tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành công bố thông tin cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu đồng thời gửi hồ sơ công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

2. Đối với phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước, nội dung công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu bao gồm:

- a) Hồ sơ phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 13 Nghị định này;
- b) Danh sách nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu.

3. Đối với phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, nội dung công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu bao gồm:

a) Thông tin về doanh nghiệp phát hành (tên doanh nghiệp, trụ sở, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động; lĩnh vực kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động);

b) Mục đích phát hành trái phiếu;

c) Khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành;

d) Thời điểm dự kiến phát hành;

đ) Thị trường phát hành;

e) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

g) Xác nhận của Ngân hàng nhà nước về khối lượng trái phiếu phát hành nằm trong hạn mức vay thương mại quốc gia.

4. Đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu cho nhiều đợt phát hành:

a) Nội dung công bố thông tin đối với đợt phát hành đầu tiên theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Đối với các đợt phát hành tiếp theo, hồ sơ công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định này. Tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước mỗi đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu đồng thời gửi hồ sơ công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán.

5. Sở Giao dịch Chứng khoán tiếp nhận hồ sơ công bố thông tin trước đợt phát hành trái phiếu để theo dõi, tổng hợp thông tin về đợt phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

Điều 23. Công bố thông tin về kết quả phát hành trái phiếu

1. Chậm nhất là mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về kết quả phát hành cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu, đồng thời gửi báo cáo kết quả của đợt phát hành cho Sở Giao dịch chứng khoán để thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

2. Đối với phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước, báo cáo kết quả đợt phát hành trái phiếu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Khối lượng trái phiếu phát hành thành công;

b) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

c) Tổ chức tư vấn phát hành, bảo lãnh phát hành; đại lý thanh toán gốc, lãi trái phiếu;

d) Danh sách nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.

3. Đối với phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, báo cáo kết quả đợt phát hành trái phiếu gửi Sở Giao dịch Chứng khoán để tổng hợp, theo dõi về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Thông tin về doanh nghiệp phát hành (tên doanh nghiệp, trụ sở, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép hoạt động; lĩnh vực kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép hoạt động).

b) Khối lượng trái phiếu phát hành thành công;

c) Lãi suất phát hành;

d) Các điều kiện, điều khoản chính của trái phiếu;

đ) Danh sách nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.

e) Thị trường phát hành.

Điều 24. Công bố thông tin định kỳ

1. Định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm cho đến khi đáo hạn trái phiếu, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu đồng thời công bố thông tin thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

2. Nội dung công bố thông tin định kỳ bao gồm:

a) Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu đã được kiểm toán (nếu có); báo cáo tài chính chưa kiểm toán được Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng thành viên thông qua.

b) Tình hình sử dụng vốn huy động từ phát hành trái phiếu;

c) Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu.

Điều 25. Công bố thông tin bất thường

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu đồng thời công bố thông tin thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy phép kinh doanh; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;

b) Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ, tình hình sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp phát hành;

c) Có sự thay đổi về kế hoạch sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu tại thời điểm công bố thông tin ngay sau khi nhận được nội

dung công bố thông tin bất thường của doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

Điều 26. Công bố thông tin liên quan đến trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu

1. Chậm nhất mười (10) ngày kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo chứng quyền, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán. Nội dung báo cáo bao gồm:

a) Đối với trái phiếu chuyển đổi

- Tổng giá trị trái phiếu phát hành;
- Mã trái phiếu được chuyển đổi, số lượng trái phiếu được chuyển đổi, tổng giá trị trái phiếu được chuyển đổi; tỷ lệ phân bổ giữa các nhà đầu tư;
- Dự kiến thời gian thực hiện lưu ký, niêm yết, giao dịch cổ phiếu chuyển đổi và các văn bản đề nghị lưu ký, niêm yết, giao dịch (nếu có).

b) Đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền

- Tổng giá trị trái phiếu phát hành;
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu
- Số lượng quyền mua cổ phiếu của từng nhà đầu tư sở hữu trái phiếu kèm theo chứng quyền.

2. Chậm nhất mười (10) ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng gửi Sở Giao dịch Chứng khoán.

a) Đối với mua lại trái phiếu trước hạn:

- Khối lượng trái phiếu mua lại trước hạn;
- Mức giá mua lại trái phiếu trước hạn;
- Danh sách nhà đầu tư bán lại trái phiếu trước hạn.
- Danh sách người sở hữu trái phiếu sau khi thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn.

b) Đối với việc hoán đổi trái phiếu

- Giá và khối lượng trái phiếu bị hoán đổi;
- Giá và khối lượng trái phiếu được hoán đổi;
- Tỷ lệ hoán đổi;

- Danh sách người sở hữu trái phiếu sau khi thực hiện hoán đổi.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán có trách nhiệm xác nhận, đối chiếu báo cáo của doanh nghiệp phát hành quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này để thực hiện công bố thông tin về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, việc thực hiện quyền mua cổ phiếu đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền, việc mua lại trái phiếu trước hạn, việc hoán đổi trái phiếu theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

Điều 27. Công bố thông tin về phát hành trái phiếu doanh nghiệp thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Sở Giao dịch chứng khoán theo quyết định của Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ công bố thông tin, báo cáo kết quả phát hành, báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường của doanh nghiệp phát hành trái phiếu, báo cáo về tình hình đăng ký, lưu ký chứng khoán theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 Nghị định này để thiết lập chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp và thực hiện công bố thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều này.

2. Tiếp nhận nội dung công bố thông tin trước khi phát hành trái phiếu của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này để tổng hợp, theo dõi về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp, bao gồm:

a) Thông tin về doanh nghiệp phát hành trái phiếu (tên doanh nghiệp, trụ sở hoạt động, giấy phép hoạt động).

b) Mục đích phát hành trái phiếu

c) Khối lượng phát hành và điều kiện, điều khoản của trái phiếu.

3. Tiếp nhận báo cáo kết quả phát hành trái phiếu của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Điều 23 Nghị định này để thực hiện công bố thông tin về kết quả của đợt phát hành trái phiếu và tổng hợp, theo dõi về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

4. Tiếp nhận báo cáo định kỳ của doanh nghiệp phát hành trái phiếu kể từ khi phát hành trái phiếu đến ngày trái phiếu đáo hạn theo quy định tại Điều 24 Nghị định này để thực hiện công bố thông tin định kỳ về đợt phát hành trái phiếu và tổng hợp, theo dõi về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

5. Tiếp nhận các thông tin, báo cáo bất thường của doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 25 Nghị định này để thực hiện công bố thông tin bất thường.

6. Tiếp nhận báo cáo của doanh nghiệp phát hành về phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu để công bố thông tin theo quy định tại Điều 26 Nghị định này và tổng hợp, theo dõi về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

7. Tiếp nhận thông tin định kỳ sáu (06) tháng, hàng năm về tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và thành viên lưu ký cung cấp theo quy định tại Điều 17. Nghị định này để theo dõi, tổng hợp về tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 28. Báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp

1. Sở Giao dịch chứng khoán thực hiện chế độ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng, hàng năm về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp bao gồm:

a) Số lượng doanh nghiệp phát hành trái phiếu; số đợt phát hành trái phiếu.

b) Khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành và kết quả phát hành;

c) Lãi suất phát hành bình quân của từng kỳ hạn.

d) Tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu trong kỳ

đ) Tình hình niêm yết, giao dịch trái phiếu trong kỳ (nếu có).

e) Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu.

g) Danh sách nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.

2. Nơi nhận báo cáo là Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, Bộ Tài chính có thể yêu cầu Sở Giao dịch Chứng khoán báo cáo đột xuất về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Điều 29. Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện quy định của Nghị định này.

2. Tổng hợp, đánh giá tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này để kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 30. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Hướng dẫn các tổ chức tín dụng thực hiện phát hành trái phiếu theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và quy định tại Nghị định này.

2. Quy định về việc sử dụng trái phiếu doanh nghiệp để giao dịch trên thị trường tiền tệ; chiết khấu, sử dụng trái phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan

hệ tín dụng giữa các tổ chức tín dụng với người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật liên quan.

3. Hướng dẫn quy trình, thủ tục đăng ký xác nhận hạn mức vay thương mại nước ngoài đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

Điều 31. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Xử lý vi phạm hành chính về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Xem xét, có ý kiến đối với phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền của công ty đại chúng.

Điều 32. Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty

1. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giám sát việc huy động và sử dụng vốn phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ doanh nghiệp.

3. Chịu trách nhiệm về quyết định huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu và giám sát việc sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu theo đúng phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt.

Điều 33. Doanh nghiệp phát hành

1. Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp, phân bổ, quản lý và sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu đúng mục đích, có hiệu quả theo phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu.

3. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về công bố thông tin và chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này và văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin đã công bố.

4. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm với các tổ chức và cá nhân liên quan khác.

5. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các báo cáo tài chính; thực hiện chế độ quản lý tài chính, báo cáo và kế toán thống kê theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Các tổ chức tư vấn phát hành, đấu thầu, đại lý, bảo lãnh phát hành, đăng ký, lưu ký trái phiếu

1. Thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành, tổ chức đấu thầu, đại lý, bảo lãnh phát hành, đăng ký, lưu ký cho doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo đúng điều kiện, điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết.

2. Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo cho Trung tâm Thông tin trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

3. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài chính.

Điều 35. Sở Giao dịch chứng khoán

1. Chủ trì phối hợp với Trung tâm Lưu ký chứng khoán xây dựng Quy chế hoạt động và vận hành Trung tâm thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

2. Theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

3. Thực hiện chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

Điều 36. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

1. Thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán.

2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng, hàng năm về tình hình lưu ký, đăng ký trái phiếu doanh nghiệp và việc sở hữu trái phiếu doanh nghiệp của các nhà đầu tư cho Sở Giao dịch Chứng khoán; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài chính theo yêu cầu.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thángnăm 2016.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp phát hành trái phiếu chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

